

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận

Ngày 31/12/2025	3,110 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-9.9%	-

DT thuần Q4/25
38.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.90 29.7%
YoY: ▼47.7 -55.1%

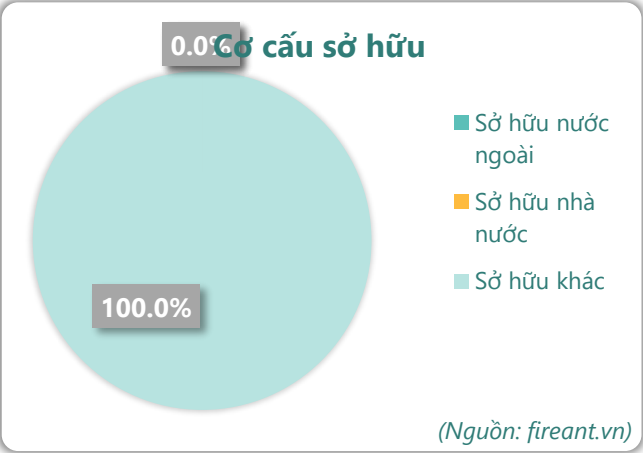
LN thuần Q4/25
-218
tỷ VNĐ
QoQ: ▼217 -15587%
YoY: ▼213 -4452%

LN sau thuế Q4/25
-218
tỷ VNĐ
QoQ: ▼220 -13235%
YoY: ▼213 -4692%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-298%
YoY: +/-▼ 310%

ROE 2025
-77.4%
YoY: +/-▼ 77.6%

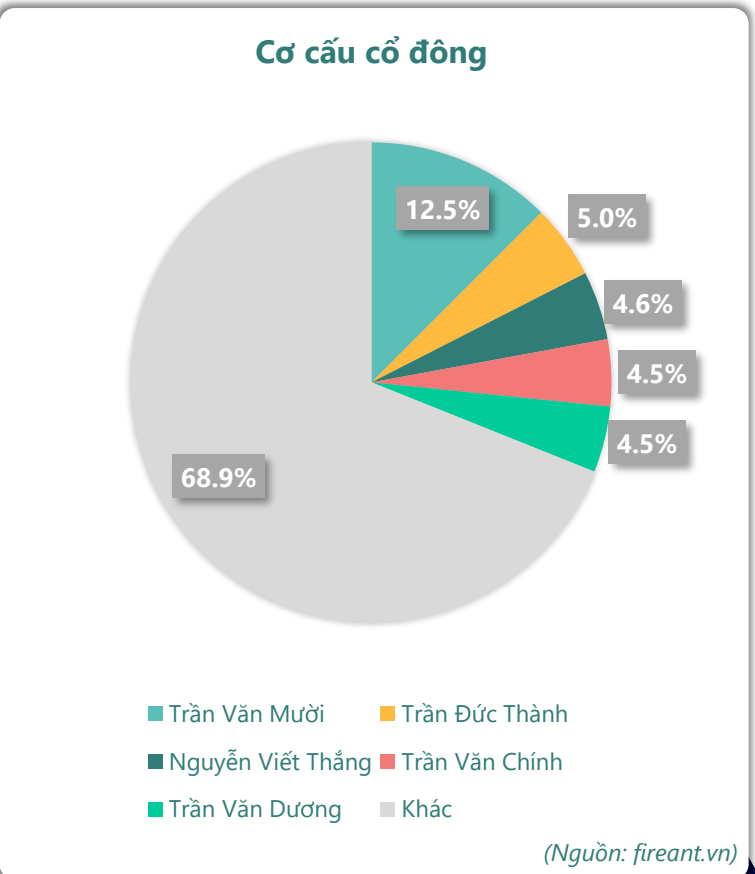
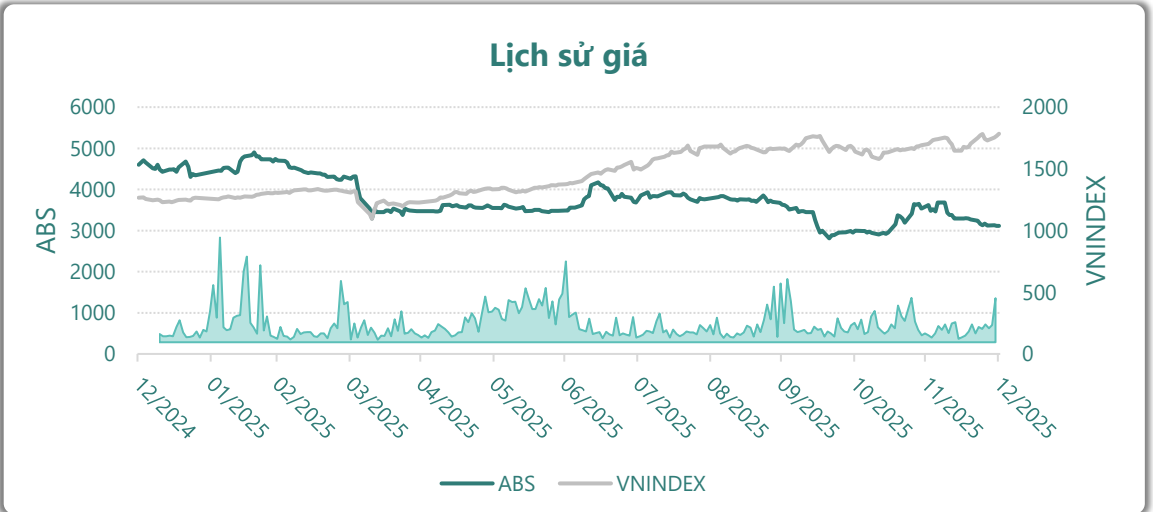
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,810 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	249
Số lượng CPLH (CP)	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	309,990
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.50
EPS	-6,391
P/E	-0.5



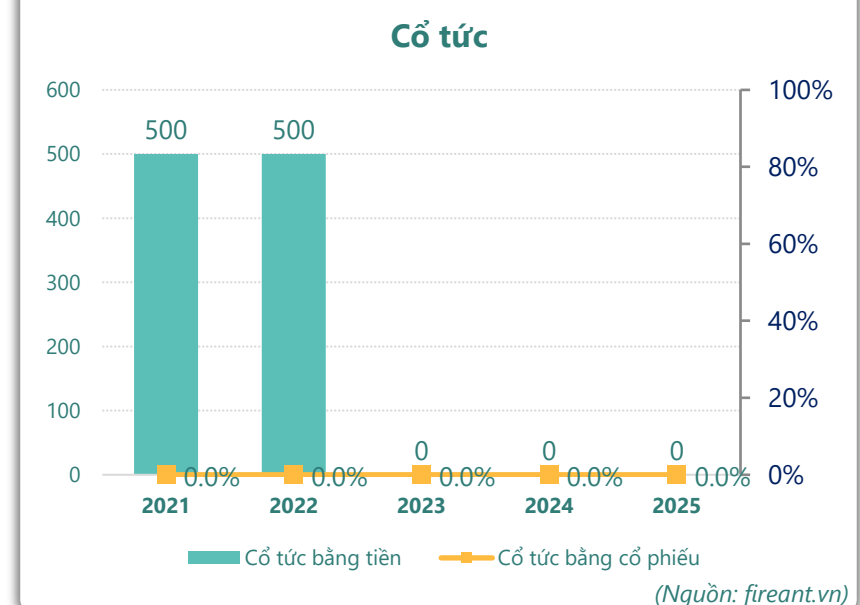
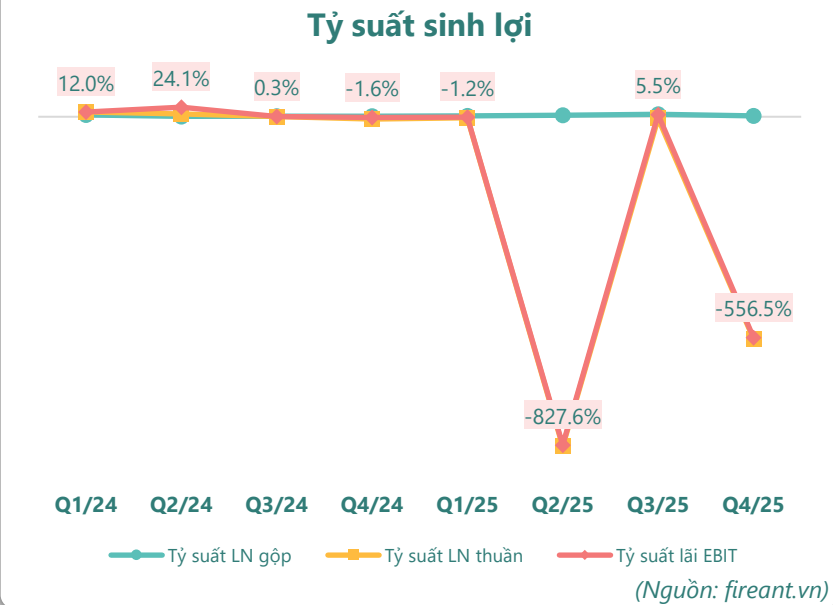
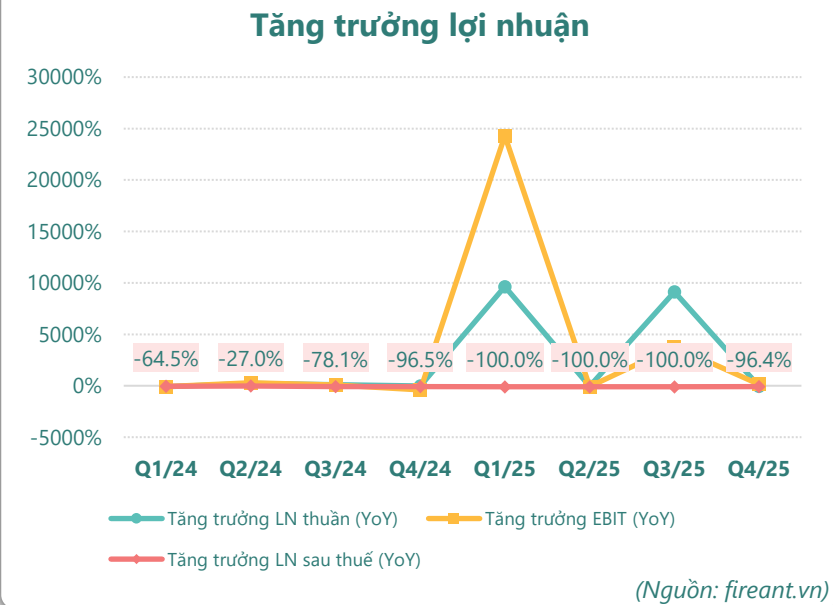
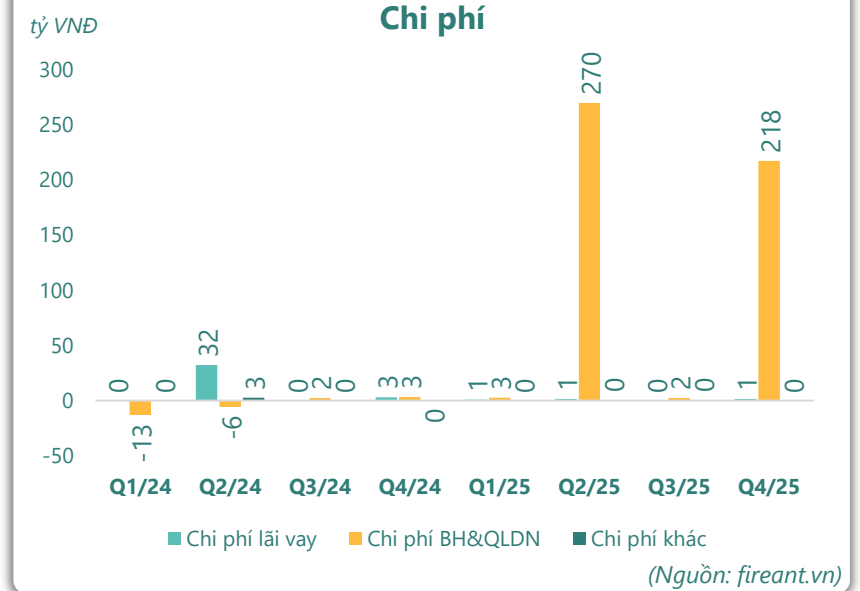
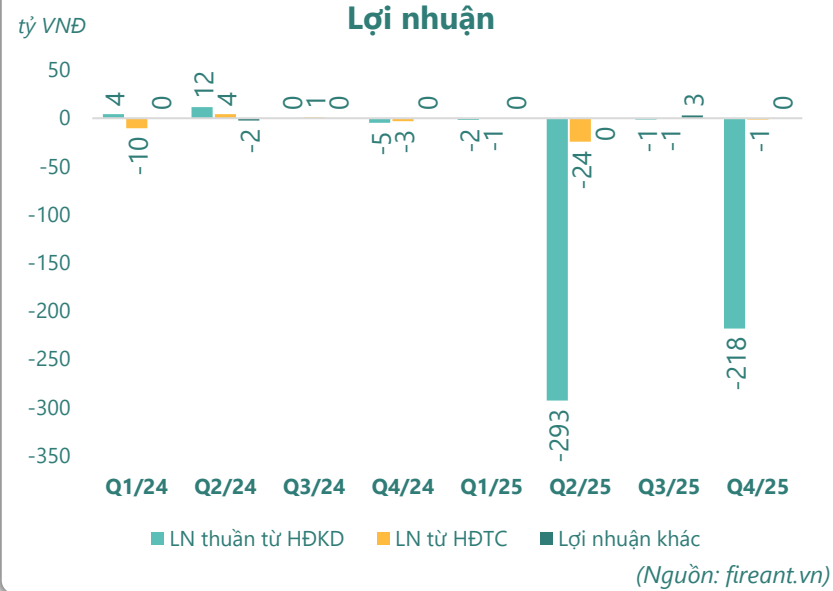
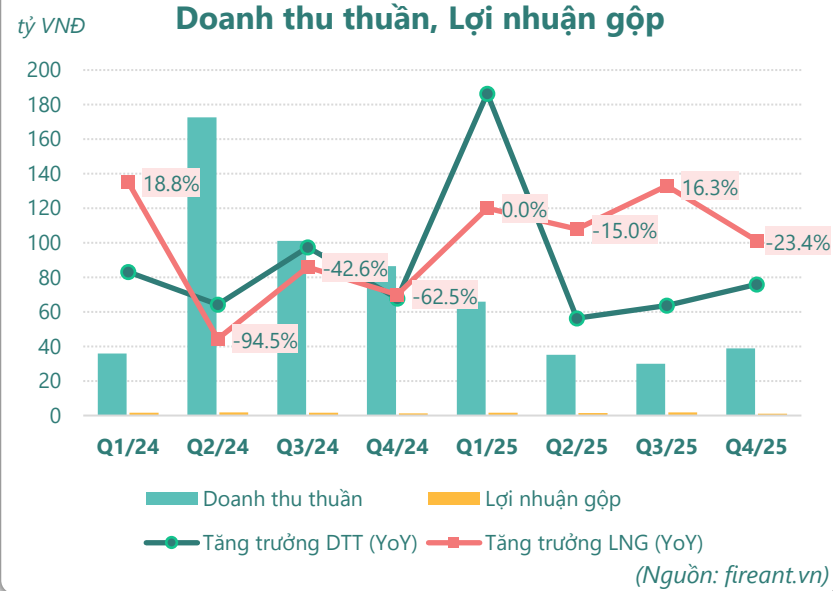
DT thuần 2025
170
tỷ VNĐ
YoY: ▼226 -57.1%

LN thuần 2025
-514
tỷ VNĐ
YoY: ▼525 -4659%

LN sau thuế 2025
-511
tỷ VNĐ
YoY: ▼513 -21093%



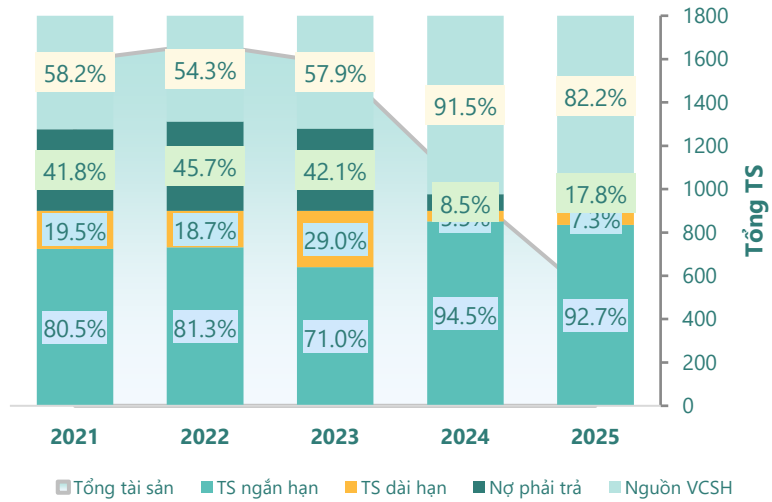
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

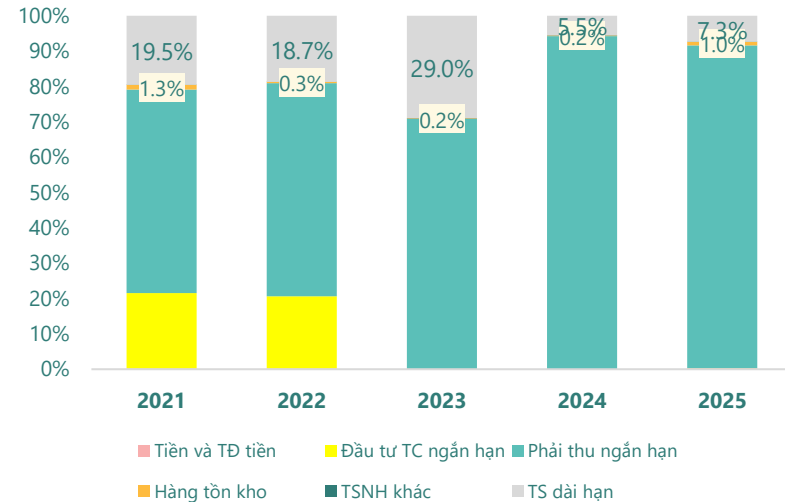
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

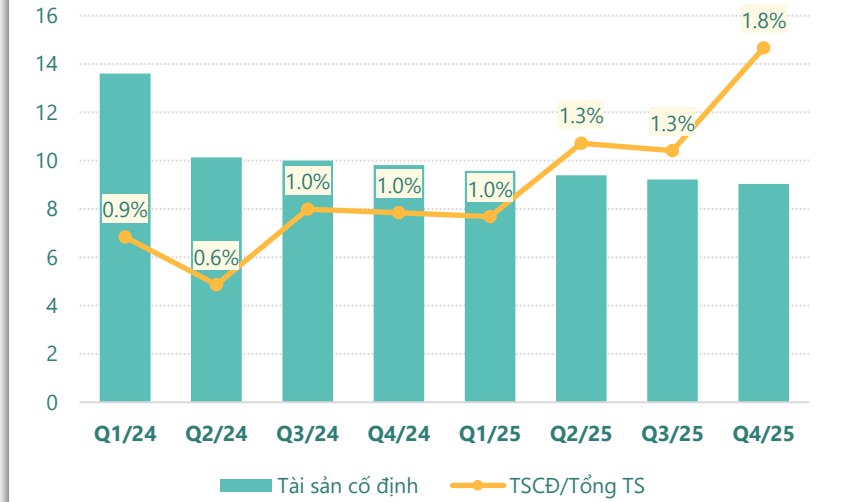
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

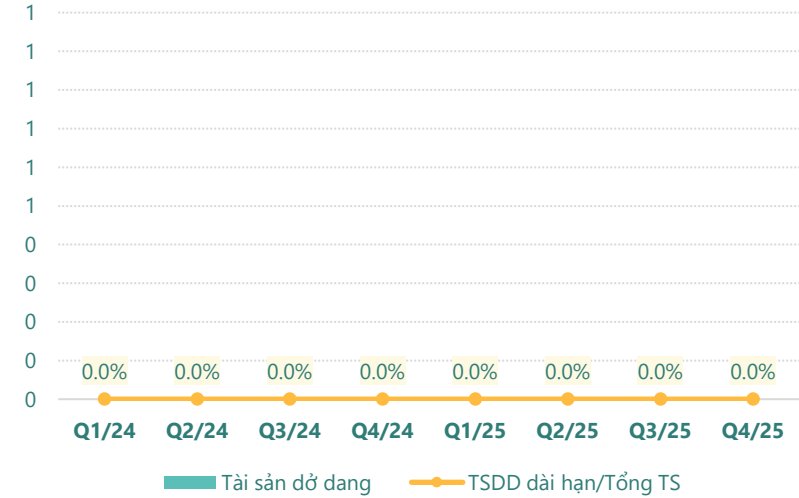
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

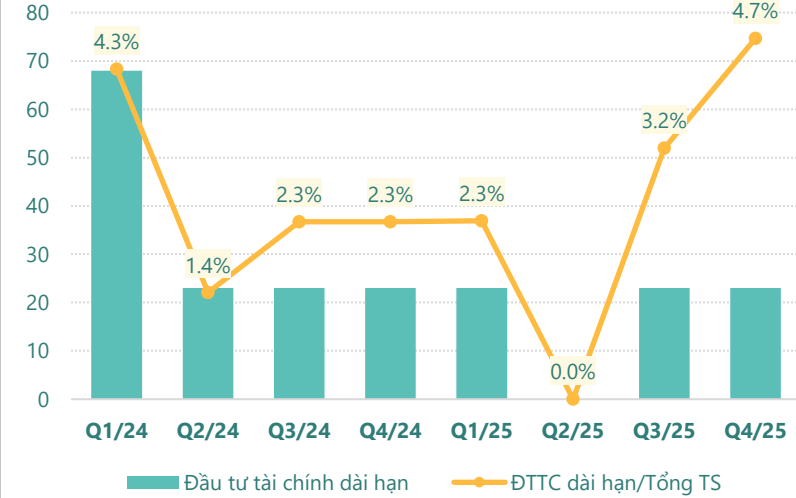
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

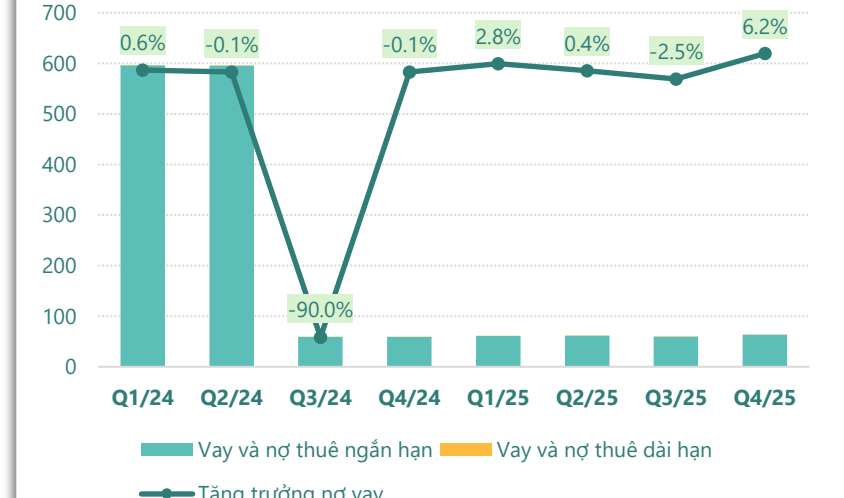
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

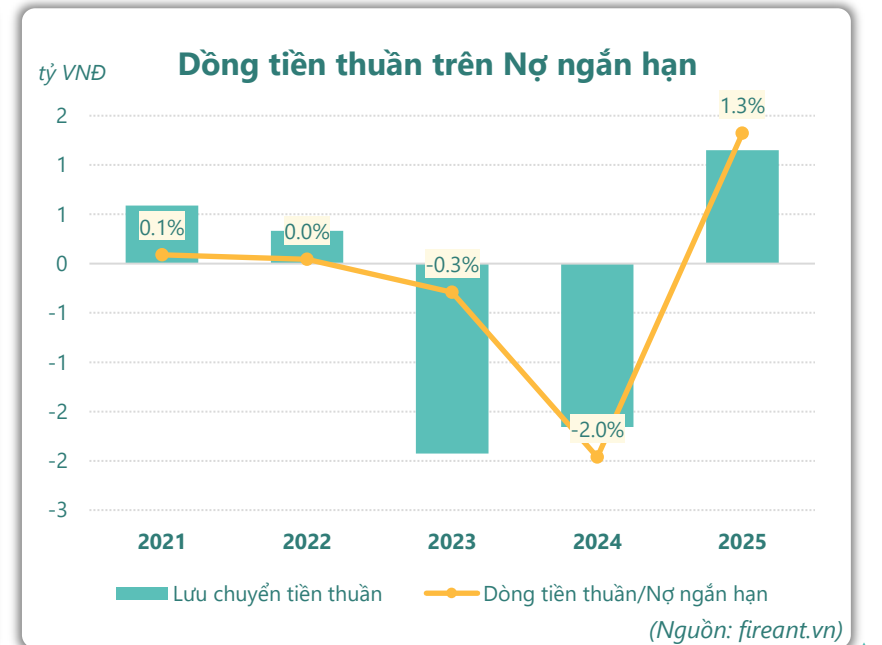
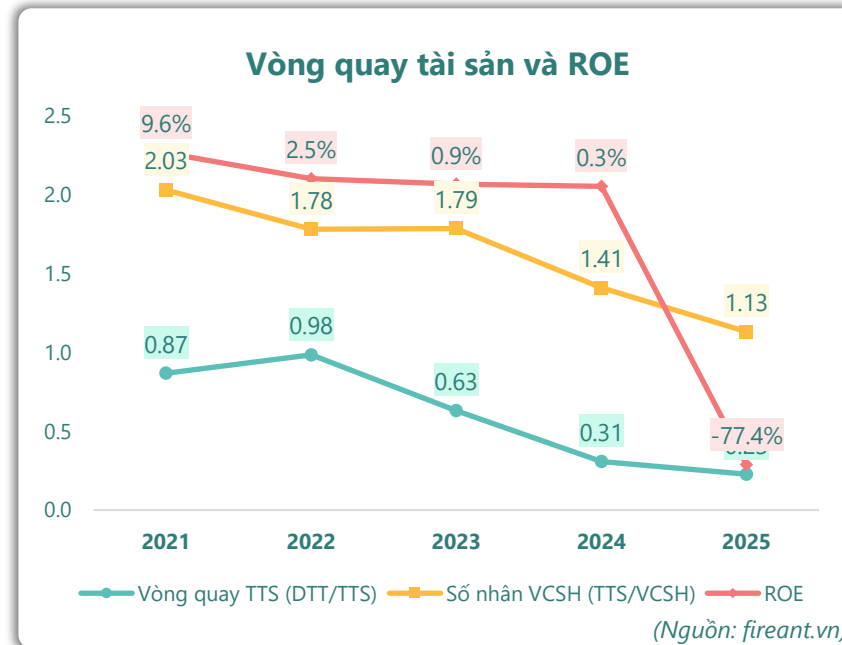
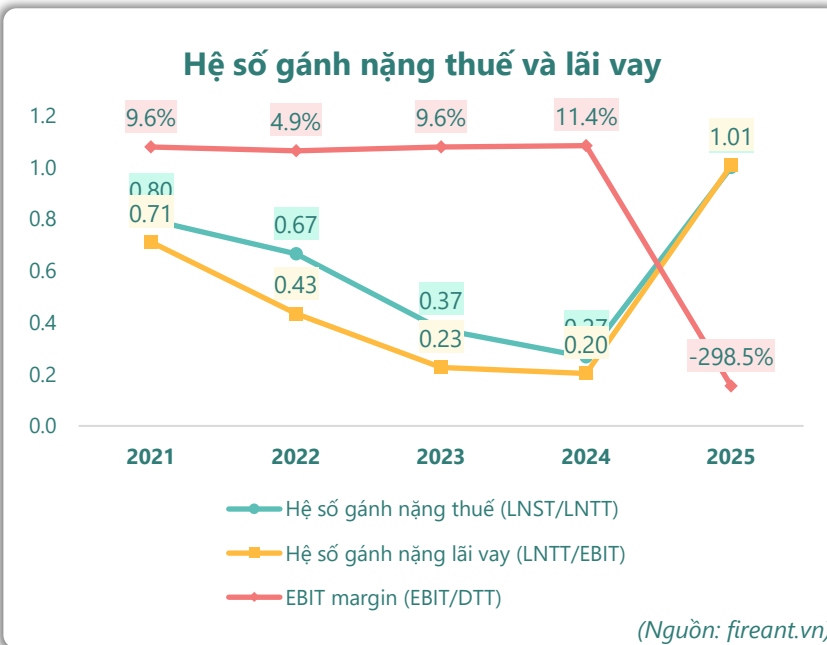
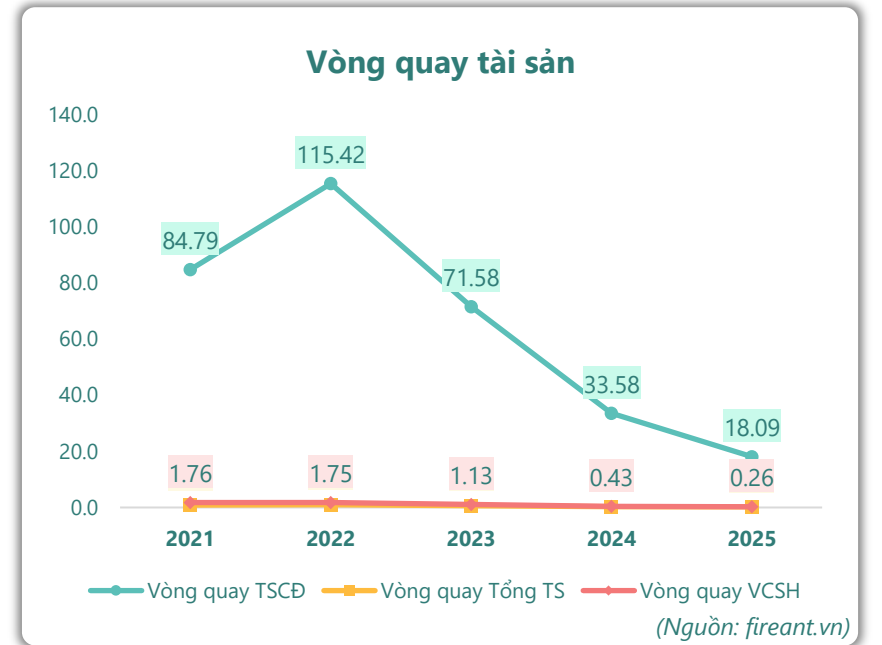
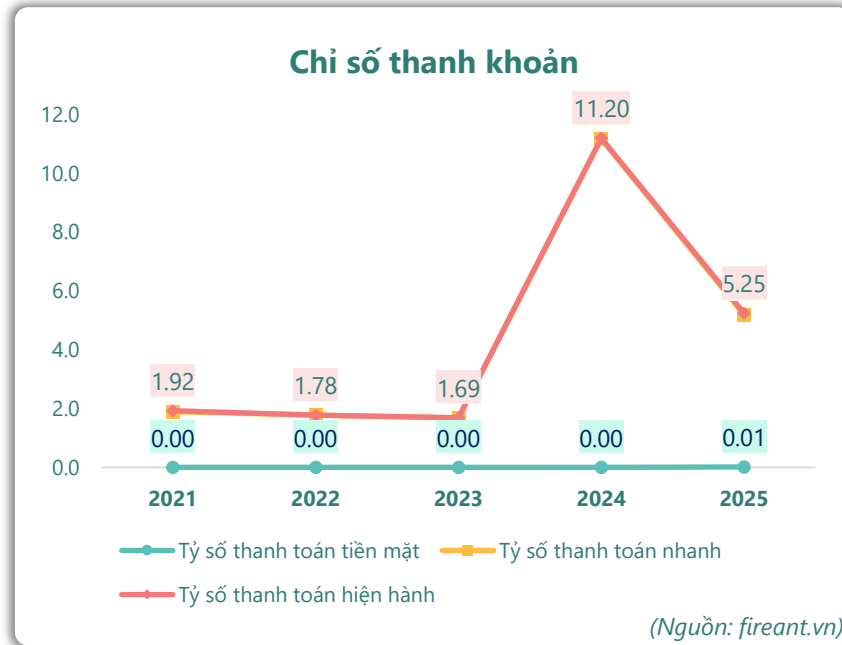
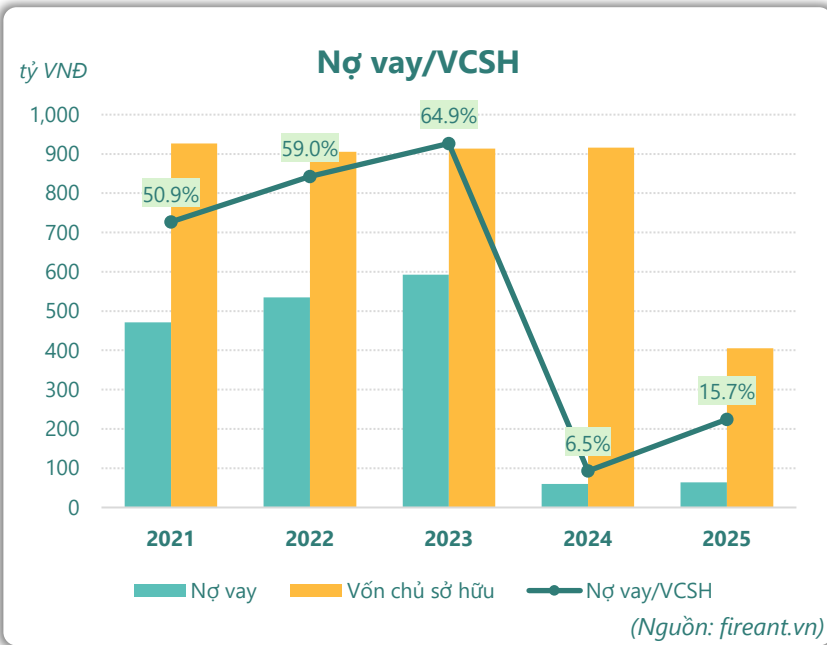
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	38.9	86.6	-55.1%	170	396	-57.1%
Giá vốn hàng bán	37.9	85.2	-55.5%	164	390	-57.9%
Lợi nhuận gộp	1.02	1.33	-23.4%	5.98	6.03	-0.9%
Doanh thu HĐTC	0.05	-0.01	616%	0.16	28.4	-99.4%
Chi phí TC	1.46	3.01	-51.6%	27.6	36.0	-23.2%
Chi phí lãi vay	1.46	3.00	-51.4%	3.75	36.0	-89.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.26	1.37	-8.4%	5.29	4.98	6.1%
Chi phí QLDN	216	1.74	12337%	487	-17.8	2834%
LN thuần từ HĐKD	-218	-4.79	-4452%	-514	11.3	-4659%
Lợi nhuận khác	0.03	0.38	-93.3%	2.98	-2.14	240%
LN trước thuế	-218	-4.40	-4855%	-511	9.14	-5692%
Lợi nhuận sau thuế	-218	-4.55	-4692%	-511	2.44	-21093%
LNST của CĐ cty mẹ	-218	-4.55	-4692%	-511	2.44	-21093%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	516	-0.43	-1.74	-0.22	2.29	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.07	0.04	0.07	0.03	0.05	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-536	-0.06	1.65	0.23	-1.51	-20.0
Tiền đầu kỳ	21.1	0.57	0.12	0.10	0.14	0.97
Lưu chuyển tiền thuần	-20.5	-0.45	-0.02	0.04	0.83	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.57	0.12	0.10	0.14	0.97	1.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	493	1,002	-50.8%
Tài sản ngắn hạn	457	946	-51.7%
Tiền và tương đương tiền	1.27	0.12	971%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	450	944	-52.3%
Hàng tồn kho	5.09	1.87	173%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.25	11.1%
Tài sản dài hạn	35.9	55.2	-34.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.04	9.76	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	18.5	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.90	3.99	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.5	85.2	2.8%
Nợ ngắn hạn	87.1	84.5	3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.6	59.2	7.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.82	2.82	-70.8%
Nợ dài hạn	0.46	0.70	-34.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.16	0.40	-60.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	405	916	-55.8%
Vốn chủ sở hữu	405	916	-55.8%
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

